

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 929 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 11 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và  
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của  
UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong  
lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Phillips Seafood Việt Nam tại Văn bản số  
2903/PL ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy  
phép môi trường cơ sở “Nhà máy chế biến thủy sản” tại Lô B3 – B4 Khu công  
nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm  
theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
123/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 4 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Phillips Seafood Việt Nam, địa chỉ  
tại Lô B3 – B4 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh  
Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy  
chế biến thủy sản với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B3 – B4 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối  
Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên; Mã số doanh nghiệp: 4200493367, đăng ký lần đầu ngày 11/7/2002, thay đổi lần thứ 3 ngày 10/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 4200493367.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng công suất của cơ sở: 2.268 tấn sản phẩm/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phillips Seafood Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Phillips Seafood Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND huyện Cam Lâm nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Công ty TNHH Phillips Seafood Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND xã Suối Tân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L. 6

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hòa Nam**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 929/GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu (KCN) để tiếp tục xử lý, không được xả trực tiếp ra môi trường.

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 25/2016/HĐDVNT-KCNSD ngày 04/01/2016 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 01/PLHĐ25/2016 ngày 03/03/2017 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Suối Dầu).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải (XLNT):

- Nước thải từ bồn cầu, âu tiêu được thu gom bằng các đường ống PVC về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE đưa về hệ thống XLNT của cơ sở.

- Nước rửa từ sàn nhà, lavabo được thu gom bằng ống PVC về đường ống HDPE đưa về hệ thống XLNT của cơ sở.

- Nước thải sản xuất từ xưởng sản xuất được thu gom bằng đường ống PVC nằm trong nhà xưởng, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE đưa về hệ thống XLNT của cơ sở.

Nước thải phát sinh của Cơ sở đều được thu gom về hệ thống XLNT công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối với KCN Suối Dầu trước khi tự chảy bằng đường ống D168 chiều dài khoảng 90m vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN Suối Dầu dẫn về trạm xử lý nước thải của KCN Suối Dầu.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể chứa và cân bằng nước thải → Bể UASB → Bể Aeroten → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga nước thải KCN → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Suối Dầu.

- Tọa độ điểm đầu nổi nước thải: X = 1343901; Y = 589173 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiều 3°).

- Công suất thiết kế: 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

Khi hệ thống XLNT gặp sự cố ngừng hoạt động nhanh chóng khắc phục ngay, nước thải được chứa tạm thời trong bể chứa và cân bằng có dung tích 100 m<sup>3</sup>. Khi khắc phục xong sẽ bơm nước tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi với KCN Suối Dầu trước khi thải vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của KCN Suối Dầu.

Bố trí cán bộ vận hành các công trình xử lý nước thải được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý; lập hồ sơ ghi chép về sự cố.

Định kỳ kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng các thiết bị để nhanh chóng khôi phục hoạt động.

Sử dụng 02 thiết bị (01 hoạt động, 01 dự phòng) luân phiên hoạt động để đề phòng trường hợp bơm bị hư hỏng.

Trường hợp mất điện lưới: khi điện lưới mất, lập tức khởi động máy phát điện dự phòng để hệ thống vận hành bình thường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng (kể từ sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại bể gom và nước thải sau xử lý tại bể chứa nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn tại hợp đồng đầu nổi nước thải với Công ty Cổ phần KCN Suối Dầu.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tại hợp đồng đầu nổi nước thải với Công ty

Cổ phân KCN Suối Dầu trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Suối Dầu, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Suối Dầu để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 929./GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

1. Nguồn phát sinh khí thải (hoạt động luân phiên)

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi số 1 công suất 0,5 tấn hơi/ giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi số 2 công suất 0,5 tấn hơi/ giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi  
chiều  $3^{\circ}$ ):

Dòng khí thải: tương ứng với khí thải lò hơi số 1 và số 2 (02 lò hơi hoạt  
động luân phiên, có tọa độ vị trí xả khí thải:

| Điểm xả                            | X (m)   | Y (m)  |
|------------------------------------|---------|--------|
| Vị trí xả khí thải của lò hơi số 1 | 1343891 | 589077 |
| Vị trí xả khí thải của lò hơi số 2 | 1343898 | 589088 |

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 4.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 02: 4.500 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo  
đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT cột B –  
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô  
cơ ( $K_p=1$ ;  $K_v=1$ ), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm    | Đơn vị             | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ  |
|----|-----------------|--------------------|---------------------------|---|
| 1  | Bụi tổng        | mg/Nm <sup>3</sup> | 200                       | Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 2  | CO              | mg/Nm <sup>3</sup> | 1.000                     |   |
| 3  | SO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup> | 500                       |   |
| 4  | NO <sub>x</sub> | mg/Nm <sup>3</sup> | 850                       |   |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01 thu gom theo đường dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống khói DN300.

- Khí thải từ nguồn số 02 thu gom theo đường dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống khói DN300.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Khí thải (nguồn số 01) → Hộp lọc khói khô → Quạt hút → Ống khói.

+ Khí thải (nguồn số 02) → Hộp lọc khói khô → Quạt hút → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 4.500 m<sup>3</sup>/ giờ/ nguồn.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý khí thải.

- Định kỳ (03 tháng/lần) kiểm tra chất lượng khí thải tại ống khói chung của 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi nhằm thường xuyên đo đạc, giám sát hiệu quả của công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đang thực hiện nhằm đảm bảo tránh các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Trường hợp phát hiện sự cố khí thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu hoặc hệ thống xử lý khí thải bị hư hỏng, ngay lập tức tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra và khắc phục sự cố sớm nhất.

- Các cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu trữ ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

2.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 929/GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

| STT | Tên chất thải   | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|---|--------------|---------------------|
| 1.  | Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại                                       | 08 02 04     | 5                   |
| 2.  | Pin, ắc quy thải  | 16 01 12     | 10                  |
| 3.  | Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải                        | 16 01 06     | 85                  |
| 4.  | Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có thành phần nguy hại                           | 16 01 09     | 10                  |
| 5.  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải   | 17 02 03     | 200                 |
| 6.  | Bao bì mềm thải   | 18 01 01     | 5                   |
| 7.  | Bao bì cứng thải bằng nhựa  | 18 01 03     | 5                   |
| 8.  | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01     | 30                  |
|     | <b>Tổng số lượng</b>  |              | <b>350 kg</b>       |

##### 1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5,4 tấn/năm.

##### 1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường:

| STT | Loại chất thải công nghiệp thông thường  | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|--|---------------------|
| 1.  | Phế phẩm thủy sản: bao gồm vỏ gẹ, thịt gẹ phế liệu và thịt gẹ nhão phế liệu.                         | 60.000              |
| 2.  | Dầu ăn thải  | 14.400              |
| 3.  | Chất thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp, nước uồng và đá vảy                                 | 3.512,5             |
| 4.  | Các loại phế liệu như giấy không sấp, bao nilon phế liệu, vật liệu nhựa phế liệu, lon sắt, nắp nhôm. | 156.000             |
| 5.  | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải   | 500                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>234.412,5</b>    |

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Số lượng 04 thùng chứa có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng, 01 khay đựng các giẻ lau, 03 can chứa dầu thải. Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố.

### **2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:**

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 04 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái tôn che kín, tường BTCT, nền bê tông, palet nhựa, có gờ chắn, cửa ra vào, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ rác thải được lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng, bọc nilong, bố trí tại các khu vực phát sinh chất thải như khu văn phòng, căn tin, xưởng sản xuất, cuối ngày công nhân dọn vệ sinh sẽ tập kết về khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

### **2.2.2. Công trình lưu chứa:**

Diện tích khoảng 08 m<sup>2</sup> nằm gần khu xử lý nước thải của nhà máy, tường BTCT, ốp tường gạch men cao 1,6m, mái che bằng tôn, nền xi măng, kệ pallet nhựa. Hàng ngày đội thu gom rác của Công ty cổ phần KCN Suối Dầu đến thu gom và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Phế phẩm thủy sản: được lưu chứa trong các thùng chứa bọc nilong dung tích 240 lít, có nắp đậy kín và thu gom vận chuyển thường xuyên trong ngày.
- Chất thải rắn công nghiệp thường khác: bao gồm giấy không sấp, bao nilon phế liệu, vật liệu nhựa phế liệu, lon sắt, nắp nhôm... được phân loại, lưu trữ trong bọc túi nilong dung tích 240 lít, xếp trên kệ pallet nhựa tại kho chứa phế liệu.

- Dầu ăn thải: được lưu chứa trong các thùng nhựa màu xanh, với dung tích 200 lít, có nắp đậy, xếp trên kệ pallet nhựa và được lưu giữ ở khu vực riêng biệt.

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích khu vực lưu chứa: Khu tập trung chứa chất thải công nghiệp có diện tích 22 m<sup>2</sup> có vị trí gần khu xử lý nước thải của nhà máy, tường BTCT, mái

che bằng tôn, nền xi măng, kệ pallet nhựa.

- Định kỳ đơn vị có chức năng đến thu mua, vận chuyển, tái sử dụng.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~929~~ /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /*SV*

